

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu chăn nuôi lợn giống và thương phẩm ứng dụng công nghệ cao DABACO Thanh Hóa tại xã Thạch Tượng và xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành (đợt 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 22/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 về việc ban hành quy định việc thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận địa điểm đầu tư giao đất cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 473/2017/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 về việc quy định mức trích, mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 25/2019/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 ban hành Bảng giá xây dựng mới đối với nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quy định việc xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ; số: 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và Quy định việc xác định giá trị bồi thường; số: 27/2020/QĐ-UBND ngày

08/6/2020 sửa đổi Bảng giá cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh; số 473/2017/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 về việc quy định mức trích, mức chi cho công tác tổ chức thực hiện, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 522/TTr-STNMT ngày 05/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án Khu chăn nuôi lợn giống và thương phẩm ứng dụng công nghệ cao DABACO Thanh Hóa tại xã Thạch Tượng và xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành do Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO làm chủ đầu tư, cụ thể như sau:

1. Thông tin khu đất thu hồi thực hiện dự án (đợt 1)

Tổng diện tích đất thu hồi: 507.875,5 m²

1.1. Xã Thạch Tượng: Diện tích thu hồi: 418.958,2 m²

a) Loại đất: Đất do UBND xã Thạch Tượng quản lý, sử dụng:

+ Đất giao thông (DGT): 11.257,2 m².

+ Đất sông suối (SON): 7.993,7 m².

+ Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK): 386.847,5 m².

+ Đất rừng sản xuất (RSX): 10.920,4 m².

+ Đất rừng phòng hộ (RPH): 1.939,4 m².

b) Vị trí thu hồi: Phạm vi khu đất được xác định tại các thửa đất hoặc một phần các thửa đất các tờ bản đồ số 01; 02; 03; 04; 05, tại mảnh trích đo số 01/TĐ ĐC-2020, Bản đồ xã Thạch Tượng lập được Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu ngày 29/10/2020.

1.2. Xã Thạch Lâm: Diện tích thu hồi: 88.917,3 m²

a) Loại đất: Đất do UBND xã Thạch Lâm quản lý, sử dụng:

+ Đất giao thông (DGT): 507,8 m².

+ Đất sông suối (SON): 785,4 m².

+ Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK): 85.155,9 m².

+ Đất rừng sản xuất (RSX): 2.468,2 m².

b) Vị trí thu hồi: Phạm vi khu đất được xác định tại các thửa đất hoặc một phần các thửa đất các tờ bản đồ số 01; 02; 03, tại mảnh trích đo số 01/TĐĐC-2020, bản đồ xã Thạch Lâm lập được Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu ngày 29/10/2020.

1.3. Tổng số đối tượng đang sử dụng đất: 85 hộ, 02 tổ chức.

2. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án (đợt 1) (làm tròn): 8.175.564.000 đồng (Tám tỷ, một trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

Trong đó:

- Bồi thường cây cối hoa màu: 7.719.869.000 đồng.
- Bồi thường tài sản vật kiến trúc: 295.390.000 đồng.
- Chi phí tổ chức thực hiện: 160.305.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO chịu trách nhiệm ứng trước.

4. Đơn vị thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB: UBND huyện Thạch Thành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Thạch Thành, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư huyện Thạch Thành có trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp và các ngành có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn UBND huyện Thạch Thành tổ chức thực hiện; đồng thời, thực hiện những nội dung công việc thuộc thẩm quyền liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu chăn nuôi lợn giống và thương phẩm ứng dụng công nghệ cao DABACO Thanh Hóa tại xã Thạch Tượng và xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành nêu trên theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp; Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành; người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO; Thủ trưởng các ngành, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Văn Thi;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB
Dự án: Khu chăn nuôi lợn giống và thương phẩm ứng dụng công nghệ cao
DABACO Thanh Hóa tại xã Thạch Tượng và xã Thạch Lâm,
huyện Thạch Thành (đợt 1)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Tổng cộng	Bồi thường, hỗ trợ		
			Vật kiến trúc	Cây cối hoa màu	Hỗ trợ
A	KP bồi thường, hỗ trợ	8,015,259,000	295,390,000	7,719,869,000	-
I	Xã Thạch Tượng	6,368,241,000	162,381,489	6,205,859,040	-
1	Đình Công Đăng	2,240,000		2,240,000	-
2	Đình Công Đồng	160,567,840		160,567,840	-
3	Đình Công Bằng	115,809,600		115,809,600	-
4	Đình Công Hùng	30,340,000		30,340,000	-
5	Đình Công Hiệu	178,480,000		178,480,000	-
6	Đình Công Huân	16,530,000		16,530,000	-
7	Đình Công Kiên	11,760,000		11,760,000	-
8	Đình Công Quý	59,280,000		59,280,000	-
9	Đình Văn Tuyển	108,880,000		108,880,000	-
10	Nguyễn Thị Quyên	52,679,200		52,679,200	-
11	Bùi Thị Thọ	302,300,000		302,300,000	-
12	Bùi Văn Cường	295,360,000		295,360,000	-
13	Bùi Văn Hạnh	1,760,000		1,760,000	-
14	Bùi Văn Huyền	3,397,560		3,397,560	-
15	Bùi Văn Lượng	229,040,000		229,040,000	-
16	Bùi Văn Lục	171,680,000		171,680,000	-
17	Bùi Văn Lịch	5,100,000		5,100,000	-
18	Bùi Văn Lực	270,960,000		270,960,000	-
19	Bùi Văn Thắng	103,478,840		103,478,840	-
20	Bùi Văn Thự	45,960,000		45,960,000	-
21	Bùi Văn Toàn	47,600,800		47,600,800	-
22	Cao Thị Lập	34,140,000		34,140,000	-
23	Cao Viết Mao	10,410,000		10,410,000	-
24	Cao Viết Thử	17,603,280		17,603,280	-
25	Cao Viết Thuật	310,134,088	18,611,588	291,522,500	-
26	Lê Thị Vinh	88,480,000		88,480,000	-
27	Lê Văn Đệ	34,921,500		34,921,500	-
28	Lê Văn Tương	53,030,800		53,030,800	-

29	Lê Văn Tùng	19,860,000		19,860,000	-
30	Nguyễn Đình Hậu	40,530,000		40,530,000	-
31	Nguyễn Đình Phỏng	68,640,000		68,640,000	-
32	Nguyễn Đình Tặng	21,660,000		21,660,000	-
33	Nguyễn Đình Thắng	43,595,480		43,595,480	-
34	Nguyễn Thị Hương	86,000,000		86,000,000	-
35	Nguyễn Thị Hiến	83,360,000		83,360,000	-
36	Nguyễn Thị Hợp	73,760,000		73,760,000	-
37	Nguyễn Thị Huyền	3,470,000		3,470,000	-
38	Nguyễn Thị Nguyệt	78,240,000		78,240,000	-
39	Nguyễn Thị Quý	58,160,000		58,160,000	-
40	Nguyễn Trọng Hưng	313,460,000		313,460,000	-
41	Nguyễn Văn Bình	29,729,440		29,729,440	-
42	Nguyễn Văn Hưng (Nguyễn Thị Hường)	177,760,000		177,760,000	-
43	Nguyễn Văn Hoàn	86,880,000		86,880,000	-
44	Nguyễn Văn Khoa	318,480,000		318,480,000	-
45	Nguyễn Văn Luân	119,360,000		119,360,000	-
46	Nguyễn Văn Thương	17,280,000		17,280,000	-
47	Nguyễn Văn Thắng	5,040,000		5,040,000	-
48	Nguyễn Văn Thông	200,240,000		200,240,000	-
49	Nguyễn Văn Thế	95,775,200		95,775,200	-
50	Nguyễn Văn Toàn	13,200,000		13,200,000	-
51	Nguyễn Văn Xiêm	28,660,000		28,660,000	-
52	Nguyễn Văn Yên	82,080,000		82,080,000	-
53	Quách Văn Vui	42,000,000		42,000,000	-
54	Trương Văn Thắng	82,880,000		82,880,000	-
55	Vũ Văn Khoa	1,416,216,901	143,769,901	1,272,447,000	-
56	UBND xã Thạch Tượng	-			-
II	Xã Thạch Lâm	1,647,021,000	133,009,321	1,514,012,040	-
1	Đinh Công Đồng	53,231,600	38,744,600	14,487,000	
2	Đinh Công Hải	42,060,000		42,060,000	
3	Đinh Công Hùng	37,600,000		37,600,000	
4	Đinh Công Hiệu	400,000		400,000	
5	Đinh Công Huấn	12,330,000		12,330,000	
6	Đinh Công Quý	35,600,000		35,600,000	
7	Bùi Văn Hạnh	74,400,000		74,400,000	
8	Cao Viết Mao	12,800,000		12,800,000	
9	Cao Viết Thử	95,716,800		95,716,800	
10	Lương Văn Giáp	15,520,000		15,520,000	

11	Nguyễn Đình Phỏng	47,520,000		47,520,000	
12	Nguyễn Đình Tăng	24,210,000		24,210,000	
13	Nguyễn Đình Thắng	130,240,000		130,240,000	
14	Nguyễn Thị Hợp	6,160,000		6,160,000	
15	Nguyễn Thị Nguyệt	62,560,000		62,560,000	
16	Nguyễn Văn Bình	2,190,000		2,190,000	
17	Nguyễn Văn Hoàn	16,960,000		16,960,000	
18	Nguyễn Văn Khoa	21,040,000		21,040,000	
19	Nguyễn Văn Thái	11,120,000		11,120,000	
20	Nguyễn Văn Thương	24,059,000	13,104,000	10,955,000	
21	Nguyễn Văn Thắng	144,560,000		144,560,000	
22	Nguyễn Văn Thông	261,360,000		261,360,000	
23	Nguyễn Văn Thế	46,653,440	30,069,800	16,583,640	
24	Nguyễn Văn Thuận	139,920,000		139,920,000	
25	Nguyễn Văn Toàn	23,460,000		23,460,000	
26	Nguyễn Văn Tuyền	7,650,000		7,650,000	
27	Nguyễn Văn Yên	92,240,000		92,240,000	
28	Quách Văn Đông	5,310,000		5,310,000	
29	Quách Văn Vui	26,080,000		26,080,000	
30	Trương Văn Thắng	174,070,521	51,090,921	122,979,600	
31	UBND xã Thạch Lâm	-			-
B	Kinh phí tổ chức thực hiện BT HTTĐC	160,305,000			
	TỔNG CỘNG (A+ B)	8,175,564,000			